TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2018/DS-ST
Ngày: 12-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Việt
2. Ông Phan Thành Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1971, địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị Diệu ủy quyền cho anh Phan Văn D1, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre, theo văn bản ủy quyền đề ngày 11/6/2018.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh S, sinh năm 1963, địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2018 của nguyên đơn Nguyễn Thị D, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án; anh Phan Văn D1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng năm 2015, chị D có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi heo cho ông Lê Minh S, hình thức hợp đồng bằng miệng. Hai bên thỏa thuận cách thức thanh toán tiền tương ứng với số lượng heo từng lần bán ra, thời gian bán heo từ 04 – 05 tháng đối với mỗi đàn heo. Đến tháng 02/2016, hai bên kết thúc hợp đồng do ông Sết nhiều lần bán heo nhưng không thanh toán đủ tiền thức ăn cho chị D. Mặt khác, ông Sết lấy thức ăn ở nhiều chỗ chị D không quản lý được số lượng heo bán ra của ông S nên không đảm bảo để cho ông Sết lấy thức ăn đến heo bán mới thanh

toán. Đến ngày 27/6/2017, hai bên tổng kết số nợ ông S còn nợ lại chị D là 21.489.000 đồng. Chị D đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông S thanh toán số tiền còn nợ nhưng ông S vẫn không thanh toán số tiền nào. Tại đơn khởi kiện, chị D yêu cầu ông Lê Minh S và bà Huỳnh Thị Tuyết S1 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 21.489.000 đồng. Nay chị D thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị D không yêu cầu bà S phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông S hoàn trả số tiền này vì chị D chỉ mua bán với ông S, hiện ông S và bà S1 đã ly hôn. Nay anh khẳng định chị D chỉ yêu cầu ông Lê Minh S phải hoàn trả cho chị D số tiền 21.489.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Chị D không đồng ý để ông S trả dần mỗi tháng 500.000 đồng vì số nợ này đã lâu.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử; bị đơn ông Lê Minh Sết trình bày:

Ông thừa nhận ông có mua thức ăn chăn nuôi heo của chị D như anh D1 trình bày. Hình thức hợp đồng bằng miệng. Hai bên thỏa thuận cách thức thanh toán tiền tương ứng với số lượng heo từng lần bán ra. Sau những lần bán heo ông đều thanh toán tiền đúng như thỏa thuận với chị D, ông không có nhiều lần thanh toán không đủ như đơn khởi kiện chị D nêu. Chỉ có một lần do bán heo thua lỗ nên ông không thanh toán đủ cho bà D. Vào ngày 17/02/2016, khi đang lấy thức ăn thì chị D ngưng giao thức ăn cho ông nên ông không đảm bảo heo đạt tiêu chuẩn để bán dẫn đến heo ông bán bị lỗ. Ông thừa nhận ông còn nợ chị D số tiền mua thức ăn là 21.489.000 đồng và hai bên có tổng kết thành giấy xác nhận công nợ đề ngày 27/6/2017. Từ khi tổng kết nợ lại chị D chưa lần nào đến đòi tiền ông như chị D trình bày và ông cũng chưa hoàn trả cho chị D số tiền nào vì chăn nuôi thua lỗ. Khi mua bán thức ăn của chị D thì chỉ có một mình ông, vào thời điểm này bà S1 và ông không còn sống chung, bà Huỳnh Thị Tuyết S1 và ông đã ly hôn nên bà S1 không có liên quan. Nay ông đồng ý hoàn trả cho chị D số tiền còn nợ là 21.489.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 22/5/2018, chị Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Minh S và bà Huỳnh Thị Tuyết S1 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị số tiền nợ thức ăn chăn nuôi heo là 21.489.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị D không yêu cầu bà Huỳnh Thị Tuyết S1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lê Minh S hoàn trả số tiền nợ thức ăn, chị D chỉ yêu cầu ông Lê Minh S. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân. Theo xác nhận nơi cư trú ngày 06/4/2018 của Công an xã Thành An xác định bị đơn ông Lê Minh S có nơi cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện M nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[2] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2018. Cụ thể: Chị Nguyễn Thị D chỉ yêu cầu ông Lê Minh S phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị D số tiền nợ thức ăn chăn nuôi heo là 21.489.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Vì vậy, có cơ sở để xác định bà Huỳnh Thị Tuyết S1 không phải là đương sự trong vụ án này.

[3] Nội dung vụ án: Các đương sự thống nhất giữa chị Nguyễn Thị D và ông Lê Minh S có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo và việc xác lập hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên hợp đồng mua bán giữa các bên là hợp pháp. Ông S thừa nhận ông còn nợ chị Nguyễn Thị D số tiền thức ăn là 21.489.000 đồng và ông đồng ý hoàn trả số tiền này cho chị D. Tuy nhiên, ông xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng đại diện theo ủy quyền của chị Diệu không đồng ý theo yêu cầu của ông Sết nên buộc ông S phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị D số tiền thức ăn còn nợ là 21.489.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: Ghi nhận chị Nguyễn Thị D không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông Lê Minh S phải có nghĩa vụ hoàn trả.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả là: 21.489.000 đồng x 5% = 1.074.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị D.

Buộc ông Lê Minh Sết phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị D số tiền mua bán thức ăn gia súc còn nợ là 21.489.000 đồng.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị D không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông Lê Minh S phải có nghĩa vụ hoàn trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông Lê Minh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.074.000 đồng.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 537.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009391 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Kim Sang